

Số: /KH-UBND

Bắc yên, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH
Thực hiện kịch bản tăng trưởng năm 2021

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh Sơn La về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kịch bản tăng trưởng năm 2021;

UBND huyện Bắc Yên xây dựng kế hoạch thực hiện kịch bản tăng trưởng năm 2021 với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, là năm đầu triển khai Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 -2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Do đó, UBND huyện xây dựng kế hoạch để triển khai, thực hiện phấn đấu đạt mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2021 đã đề ra.

2. Yêu cầu

Bám sát các Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ, Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh Sơn La, trong đó các đơn vị cần chủ động rà soát, sắp xếp lại thứ tự ưu tiên, lựa chọn các nhiệm vụ trọng yếu cần chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện; xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho từng ngành cụ thể, tạo động lực phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng chung.

Các cấp, các ngành, địa phương, nhất là người đứng đầu cần phát huy cao tinh thần trách nhiệm, kiên quyết không để xảy ra tình trạng trì trệ trong thực hiện nhiệm vụ; phát động các phong trào thi đua khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực, địa bàn mình quản lý, góp phần hoàn thành mục tiêu và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã được HĐND huyện quyết nghị.

Tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát thường xuyên tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; phát hiện các vấn đề, kịp thời báo cáo UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện những nội dung phát sinh và chịu trách nhiệm trước UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện về kết quả triển khai thực hiện.

II. LỘ TRÌNH PHÂN ĐẦU THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2021

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện Quý I	Thực hiện Quý II	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Thực hiện Quý III	Thực hiện 9 tháng đầu năm	Thực hiện Quý IV	Thực hiện cả năm
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ								
1	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	20,84	29,16	50	32,19	82,19	22,81	105,00
2	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	121,5	128	249,5	197,5	447	193	640
3	Sản lượng hàng hóa nông sản tham gia xuất khẩu	Tấn	-	-	-	85	85	20	105
4	Tỷ lệ đô thị hóa	%							
5	Lượt khách du lịch	Lượt	18.840	9.900	28.740	11.800	40.540	21.460	62.000
	Doanh thu từ du lịch	Tỷ đồng	12,8	6,7	19,5	8,3	27,8	15,5	43,3
6	Tổng diện tích các loại cây trồng chủ yếu	Ha	8.670	19.660	19.660	22.106	22.106	85	22.191
	Tổng đàn gia súc	Con	70.285	73.680	73.680	78.080	78.080	80.617	80.617
	Tổng đạt gia cầm	Con	249.310	260.500	260.500	275.500	275.500	282.900	282.900
	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	-	-	-	2.595	2.595	23.104	25.699
	Sản lượng quả các loại	Tấn	1.340	1.350	2.690	2.450	5.140	2.310	7.450
	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	470	410	880	420	1.300	413	1.713
	Sản lượng thủy sản	Tấn	38	40	78	39	117	33	150
II	CHỈ TIÊU XÃ HỘI								
1	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	74,5	74	74	73,5	73,5	73	73
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	43,6	43,9	43,9	44,6	44,6	45,2	45,2
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ	%	24,55	24,62	24,62	24,7	24,75	24,8	24,8
	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Lao động	750	450	1.200	200	1.400	100	1.500
2	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	18,38						14,38
3	Số giường bệnh/l vạn dân	Giường	21,53						21,53
4	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%							98
	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH bắt buộc và BHTN	%							12

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện Quý I	Thực hiện Quý II	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Thực hiện Quý III	Thực hiện 9 tháng đầu năm	Thực hiện Quý IV	Thực hiện cả năm
5	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	2	2	2	2	2	3	3
	Số tiêu chí nông thôn mới bình quân/xã	Tiêu chí	13,1	13,1	13,1	13,3	13,3	13,7	13,7
	Số sản phẩm OCOP	Sản phẩm	5	5	5	5	5	7	7
6	Tỷ lệ hộ được dùng điện sinh hoạt	%	97	98	98	98	98	98	98
7	Tỷ lệ bản có đường từ trung tâm xã đến trung tâm bản được cứng hóa	%	49,5	49,5	49,5	50,5	50,5	61	61
8	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	Chưa xét	Chưa xét	Chưa xét	Chưa xét	Chưa xét	66,3	66,3
	Tỷ lệ bản, tiểu khu văn hóa	%	Chưa xét	Chưa xét	Chưa xét	Chưa xét	Chưa xét	70,9	70,9
9	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	36,3	36,3	36,3	36,3	36,3	40,9	40,9
10	Tỷ lệ người sử dụng internet	%	37	37	37	37,5	37,5	38	38
11	Tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự"	%	Chưa xét	Chưa xét	Chưa xét	Chưa xét	Chưa xét	93	93
	Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự"	%	Chưa xét	Chưa xét	Chưa xét	Chưa xét	Chưa xét	90	90
	Tỷ lệ cơ quan, doanh nghiệp, trường học đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự"	%	Chưa xét	Chưa xét	Chưa xét	Chưa xét	Chưa xét	60	60
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG								
1	Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	98,7	98,7	98,7	98,7	98,7	99	99
	Tỷ lệ dân số thị trấn được sử dụng nước sạch	%	79	79	79	80	80	81,3	81,3
2	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý ở thị trấn	%	94	94	94	95	95	95	95
	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom ở nông thôn	%	63,5	64	64	64,5	64,5	65	65
3	Diện tích rừng trồng mới tập trung	%	-	-	-	1.800	1.800	-	1.800
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	42,6	42,6	42,6	42,6	42,6	43,7	43,7

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG NĂM 2021

Stt	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Sản lượng Quý I	Sản lượng Quý II	Tổng sản lượng 6 tháng đầu năm	Sản lượng Quý III	Tổng sản lượng 9 tháng đầu năm	Sản lượng Quý IV	Tổng sản lượng cả năm
I	NÔNG LÂM THỦY SẢN								
1	Thóc	Tấn	-	-	-	2595	2595	11800	14395
2	Ngô	Tấn	-	-	-	-	-	11304	11304
3	Sắn	Tấn	-	-	-	-	-	43884	43884
4	Dong riềng	Tấn	-	-	-	-	-	3440	3440
5	Rau đậu các loại	Tấn	1150	1300	2450	660	3110	1950	5060
6	Đậu tương	Tấn	-	-	-	2	2	7	9
7	Lạc	Tấn	-	-	-	11	11	22	33
8	Vừng	Tấn	-	-	-	2	2	-	2
9	Mía	Tấn	-	-	-	-	-	4304	4304
10	Chè	Tấn	5	18	22	18	40	15	55
11	Hoa quả	Tấn	1150	1100	2250	2950	5200	2250	7450
12	Thịt hơi xuất chuồng	Tấn	470	410	880	420	1300	413	1713
13	Thủy sản	Tấn	38	40	78	39	117	33	150
14	Cùi	Ste	19000	18500	37500	18000	55500	17000	72500
15	Tre	Cây	675000	675500	675500	676000	676000	677000	677000
II	CÔNG NGHIỆP - XÂY DỰNG								
1	Gạch không nung	Triệu viên	42000	47500	89500	50250	139750	50250	190000
2	Đá các loại	1000 m3	4400	5500	9900	5150	15050	5150	20200
3	Cát các loại	1000 m3	4700	6000	10700	6550	17250	6550	23800
4	Rượu vang Sơn Tra, rượu Hang Chú	Nghìn lít	14,5	13,5	28	13,5	41,5	13,5	55
5	Nước máy thương phẩm	Triệu m3	28353	37000	65353	42323	107676	42323	149999
6	Nước lọc tinh khiết	Nghìn lít	23500	23750	47250	23875	71125	23875	95000
7	Điện phát ra	Tr.kwh	70,5	120	190,5	165,7	356,2	165,7	521,9
8	Xây dựng	Tỷ đồng	10	30	45	45	90	90	180
III	DỊCH VỤ								
1	Lượt hành khách vận chuyển	Nghìn người	30	30	60	20	80	20	100
2	Số lượt khách du lịch	Nghìn người	18,84	9,9	28,74	11,8	40,54	21,46	62,00

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ; Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 15/01/2021, Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 03/02/2020 của UBND tỉnh Sơn La; Kết luận số 68-KL/HU ngày 04/12/2020 của Ban

Chấp hành Đảng bộ huyện về kết quả lãnh đạo, thực hiện nhiệm vụ năm 2020; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp năm 2021; Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 20/12/2020 của HĐND huyện về thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

Xác định việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2020 là nhiệm vụ trọng tâm của tất cả các cấp, các ngành, nhân dân trong huyện, nỗ lực và quyết tâm tối đa để thực hiện mục tiêu đã đề ra. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các biện pháp phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại do đại dịch Covid-19 gây ra. Tiếp tục thực hiện mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch vừa phục hồi và phát triển kinh tế. Chủ động thực hiện các chính sách, giải pháp phù hợp để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

2. Cải thiện môi trường đầu tư, huy động và thu hút các nguồn lực, đảm bảo các cân đối cho đầu tư phát triển:

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao trong lập Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh, bổ sung kịp thời các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành đáp ứng nhu cầu phát triển. Rà soát, phát hiện, đề xuất bãi bỏ, sửa đổi những quy định, cơ chế, chính sách chưa phù hợp của tỉnh liên quan đến doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Chủ động điều hành ngân sách đảm bảo cân đối ngân sách toàn huyện; nuôi dưỡng, tạo lập các nguồn thu mới phù hợp với quy định của pháp luật, kiểm soát chặt chẽ thất thu ngân sách, giảm nợ thuế và hạn chế tối đa nợ không có khả năng thu. Thực hiện triệt để tiết kiệm trong quản lý sử dụng ngân sách, đặc biệt là chi thường xuyên, hội họp, công tác trong và ngoài nước; sử dụng hiệu quả tài sản công, đảm bảo kinh phí thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, chương trình giảm nghèo, chương trình xây dựng nông thôn mới, ưu tiên vốn đầu tư thực hiện các chính sách đã được HĐND tỉnh quyết nghị.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư công phù hợp, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án đầu tư công trình địa bàn huyện, có biện pháp quản lý dự án khởi công mới. Theo dõi chặt chẽ tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công của từng dự án; thực hiện quyết liệt các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân thanh toán, kịp thời điều chỉnh kế hoạch từ dự án giải ngân chậm hoặc không còn nhu cầu sang dự án có nhu cầu bổ sung vốn, các dự án đã có khối lượng hoàn thành để đảm bảo giải ngân thanh toán tối đa kế hoạch năm 2021.

- Đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội tạo động lực phát triển kinh tế nhanh và bền vững; tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư; ưu tiên thu hút đầu tư vào các lĩnh vực phát triển nông nghiệp, chế biến nông sản, công nghệ cao, phát triển du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, năng lượng điện mặt trời, điện gió.

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy hoạt động đầu tư kinh doanh của các thành phần kinh tế. Tăng cường đối thoại, trao đổi và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; hỗ trợ thúc đẩy khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; triển khai có hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế tập thể và chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; thực hiện tín dụng xanh góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, tăng cường bảo vệ môi trường.

3. Cơ cấu lại các ngành kinh tế bảo đảm thực chất, hiệu quả; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp nhằm tăng năng suất, chất lượng, nâng cao giá trị gia tăng và thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng ứng dụng công nghệ xanh, hệ thống quản lý và kiểm soát hoạt động theo kinh nghiệm thực hành tốt để giảm ô nhiễm, cải thiện môi trường sinh thái. Khuyến khích doanh nghiệp liên kết, ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ nông sản với nông dân; phát triển các nhóm nông dân hợp tác tự nguyện, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh công tác quản lý và phát triển nguồn lợi thủy sản. Tập trung công tác trồng rừng theo hướng phát triển trồng cây lâm nghiệp đa chức năng, đem lại việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân làm nghề rừng. Tiếp tục thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; khoanh nuôi và bảo vệ rừng hiện còn; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát khai thác chế biến lâm sản. Tiếp tục thực hiện chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” gắn với dịch vụ du lịch và bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống; xây dựng vườn kiêu mẫu, bản nông thôn kiêu mẫu.

- Khai thác, phát huy tiềm năng và nâng cao giá trị gia tăng các ngành công nghiệp thế mạnh của địa phương gắn với xây dựng thương hiệu, tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ và đẩy mạnh xuất khẩu. Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến gắn với khai thác tiềm năng các vùng nguyên liệu, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp địa phương; tập trung thu hút các doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến, bảo quản các sản phẩm đủ điều kiện xuất khẩu. Thúc đẩy phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (điện gió, điện mặt trời, thủy điện); tăng cường quản lý quy hoạch, đầu tư, vận hành các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn huyện.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ, nhất là những ngành có lợi thế, có giá trị gia tăng cao như: Dịch vụ vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải; thương mại điện tử; ngân hàng; du lịch; xuất khẩu.

4. Tiếp tục thực hiện tốt các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện. Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện, quyết định kế hoạch khai thác quỹ đất sạch, tạo nguồn thu từ đất năm 2021. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, thực hiện các thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

5. Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải cách hành chính; tiếp tục vận hành có hiệu quả Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, cấp xã. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối các tổ chức của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, trong đó tập trung rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tăng dần tự chủ kinh phí, giảm chi ngân sách; sắp xếp các hội đặc thù.

Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức, ngăn chặn đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; nâng cao chất lượng, tinh thần trách nhiệm, đạo đức, tác phong và ý thức phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

6. Phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa – xã hội. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân, làm tốt công tác y tế dự phòng; chủ động phòng, chống dịch bệnh. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, chính sách bảo trợ xã hội; tiếp tục triển khai hỗ trợ kịp thời, có hiệu quả đối với người lao động, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Tập trung triển khai hiệu quả Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

7. Tiếp tục củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; từng bước xây dựng thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới. Huy động và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, nhất là hệ thống chính trị ở cơ sở và của toàn dân tham gia phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự; thực hiện có hiệu quả phòng trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn căn cứ theo lộ trình, giải pháp tại Kế hoạch này và ngành, lĩnh vực, địa phương đơn vị mình phụ trách để tổ chức triển khai thực hiện.

2. **Chế độ báo cáo:** Định kỳ ngày 15 hàng tháng và tháng cuối quý, các đơn vị tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND huyện (*qua phòng Tài chính – Kế hoạch*).

Giao phòng Tài chính – Kế hoạch là cơ quan đầu mối giúp UBND huyện đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hằng quý tổng hợp kết quả thực hiện, tham mưu UBND huyện báo cáo UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

Các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (BC);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (BC);
- TT Huyện ủy – HĐND huyện (BC);
- CT, các PCT UBND huyện (CĐTH);
- Các cơ quan, ban, ngành;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, (TCKH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Kỳ